

TỔNG CÔNG TY IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~328~~ /TCT-BTC

TP. HCM, ngày 23 tháng 9 năm 2021

V/v công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất
bán niên đã được soát xét của Tổng công ty IDICO

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Tổng công ty IDICO - CTCP.

Mã chứng khoán: IDC.

Trụ sở chính: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0283. 8438883 Fax: 0283. 9312705

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hồng Hải.

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Điện thoại: 0283. 8438883 Fax: 0283. 9312705

Loại thông tin công bố: 24h; 72h; Yêu cầu; bất thường;
 định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện Mục (2) Điều 14 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày
16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường
chứng khoán,

Tổng công ty IDICO công bố thông tin như sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2021 đã được soát xét của Tổng
công ty IDICO được lập ngày 20/9/2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo
kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Toàn bộ Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2021 đã được soát xét của
Tổng công ty IDICO được đăng tải trên trang Website: <http://www.idico.com.vn>,
mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website IDICO;
- Lưu: HC, NS, KT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Hải

IDICO

Trụ sở: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3843 8883 - 3935 1901 - Fax: (028) 3931 2705

E-mail: headoffice@idico.com.vn - Website: www.idico.com.vn

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	14 - 73

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là "IDICO") tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (Ba ngàn tỷ Việt Nam đồng), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION – JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ninh Mạnh Hồng	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch (Bầu từ ngày 02/02/2021)
Ông Nguyễn Văn Đạt	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Thành viên (Bầu từ ngày 02/02/2021)
Ông Vũ Quang Bảo	Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 01/7/2021)
Ông Trịnh Hùng Lâm	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên (Bầu từ ngày 02/02/2021)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Cao Nguyên	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Hoàng Văn Hiến	Trưởng ban (Bầu từ ngày 02/02/2021)
Bà Lê Ánh Thu	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Đào Hữu Thắng	Thành viên (Bầu từ ngày 02/02/2021)
Bà Trần Thanh Linh	Thành viên (Bầu từ ngày 02/02/2021)

Ban Tổng giám đốc

Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Văn Chung	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/6/2021)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh số 7.1 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP


151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc, 




TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐẶNG CHÍNH TRUNG

Đặng Chính Trung

Tổng giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

*Số: 139/2021/BCSXHN-CPA VIETNAM-HCM***BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty IDICO - CTCP

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng công ty IDICO - CTCP được lập ngày 20/9/2021, từ trang 07 đến trang 73, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		3.779.259.403.404 /	3.211.562.721.595
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	537.585.765.720 /	726.542.767.957
1. Tiền	111		159.271.853.694	310.048.657.302
2. Các khoản tương đương tiền	112		378.313.912.026	416.494.110.655
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	1.889.913.520.286 /	1.014.340.743.187
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.889.913.520.286	1.014.340.743.187
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		712.631.694.105 /	849.338.481.832
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.5	473.115.919.615	436.725.413.093
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.6	138.534.379.228	90.134.828.784
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.7	-	71.957.057.386
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.8	113.191.940.061	262.494.117.028
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.9	(20.273.857.559)	(20.036.247.219)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.10	8.063.312.760	8.063.312.760
IV- Hàng tồn kho	140	5.11	600.593.763.985 /	539.760.732.282
1. Hàng tồn kho	141		600.820.975.688	539.987.943.985
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(227.211.703)	(227.211.703)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		38.534.659.308 /	81.579.996.337
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.17	4.054.964.442	10.669.294.205
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		33.698.717.768	70.445.981.023
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.19	780.977.098	464.721.109
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		11.636.142.646.969 /	11.411.393.862.906
I Các khoản phải thu dài hạn	210		159.092.956.116 /	57.601.849.584
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.5	14.490.916.169	12.756.042.627
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		528.040.011	756.754.829
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.8	144.431.859.998	44.446.912.190
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.9	(357.860.062)	(357.860.062)
II Tài sản cố định	220		5.997.311.112.052 /	6.138.796.020.253
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	3.958.760.683.151	4.087.701.835.061
- Nguyên giá	222		7.574.303.152.616	7.530.328.263.169
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.615.542.469.465)	(3.442.626.428.108)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	2.038.550.428.901	2.051.094.185.192
- Nguyên giá	228		2.508.487.818.280	2.493.887.261.661
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(469.937.389.379)	(442.793.076.469)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.14	117.560.875.685 /	120.836.646.535
1. Nguyên giá	231		158.596.007.375	158.596.007.375
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(41.035.131.690)	(37.759.360.840)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.042.323.907.999 /	3.702.500.250.272
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.15	4.042.323.907.999	3.702.500.250.272

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		667.576.455.654	836.518.264.492
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.3	421.420.822.607	690.362.631.445
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.4	148.595.659.784	148.595.659.784
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.4	(2.440.026.737)	(2.440.026.737)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.4	100.000.000.000	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		652.277.339.463	555.140.831.770
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.17	624.059.047.046	523.814.965.066
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.16	9.790.768.530	9.790.768.530
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		10.390.543.960	10.406.892.796
4. Lợi thế thương mại	269	5.18	8.036.979.927	11.128.205.378
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		15.415.402.050.373	14.622.956.584.501

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		10.720.180.513.280	10.233.754.388.016
I- Nợ ngắn hạn	310		1.531.290.469.984	1.627.866.367.870
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.20	266.398.031.192 /	303.388.800.371
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.21	81.479.246.551 /	102.523.627.379
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.19	97.478.263.663 /	84.665.464.408
4. Phải trả người lao động	314		17.639.613.291 /	34.935.003.114
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.22	22.437.045.336 /	30.316.994.646
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.25	273.651.653.981 /	189.701.813.852
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.23	213.913.020.094	257.452.876.947
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.24	524.799.892.655 /	588.133.367.288
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		33.493.703.221 /	36.748.419.865
II- Nợ dài hạn	330		9.188.890.043.296	8.605.888.020.146
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.21	147.160.890.518	100.358.684.583
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.22	1.146.513.584	1.146.513.584
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.25	6.627.846.746.944	6.112.270.853.099
4. Phải trả dài hạn khác	337	5.23	8.871.725.850	8.185.106.902
5. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.24	2.173.125.091.696	2.166.295.939.366
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.26	21.032.117.173	20.923.965.081
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.27	209.706.957.531	196.706.957.531
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.695.221.537.093	4.389.202.196.485
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.28	4.695.221.537.093	4.389.202.196.485
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.896.673.847	41.896.673.847
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		18.048.559.983	18.048.559.983
4. Cổ phiếu quỹ	415		(25.500)	(25.500)
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		(42.360.582.551)	(59.296.653.028)
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		187.465.515.932	200.864.674.594
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		688.795.328.261	407.786.613.034
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	421a		403.636.312.213	103.360.542.081
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		285.159.016.048	304.426.070.953
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423	5.29	801.376.067.121	779.902.353.555
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		15.415.402.050.373	14.622.956.584.501
(440 = 300+400)				

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu

Bùi Tiến Dũng

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc

Tổng giám đốc



Đặng Chính Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.319.087.366.482	2.117.495.752.946
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	9.667.734.445	178.460.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	2.309.419.632.037	2.117.317.292.946
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.943.129.850.658	1.753.236.545.915
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		366.289.781.379	364.080.747.031
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	297.486.602.743	79.429.720.289
7. Chi phí tài chính	22	6.4	87.783.373.209	125.572.136.796
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		87.756.037.305	125.472.136.796
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24	6.5	2.999.387.960	(17.326.525.104)
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	39.490.981.575	37.309.523.322
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	92.032.610.170	84.546.996.940
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		447.468.807.128	178.755.285.158
12. Thu nhập khác	31	6.8	2.461.502.310	4.194.371.839
13. Chi phí khác	32	6.8	6.099.034.521	7.024.068.346
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	(3.637.532.211)	(2.829.696.507)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		443.831.274.917	175.925.588.651
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	100.982.707.108	38.514.427.547
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		108.152.092	(143.254.249)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		342.740.415.717	137.554.415.353
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		285.159.016.047	81.565.467.264
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		57.581.399.670	55.988.948.089
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	951	251
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	634	251

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu



Bùi Tiên Dũng

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Tổng giám đốc



Đặng Chính Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		443.831.274.917	175.925.588.651
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí phân bổ	02		207.603.176.920	204.556.345.577
- Các khoản dự phòng	03		13.237.610.340	1.068.014.266
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		35.448.469	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(297.547.725.617)	52.068.935.494
- Chi phí lãi vay	06		87.756.037.305	125.472.136.796
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		454.915.822.334	559.091.020.784
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.883.214.002	(66.296.842.182)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(60.816.682.867)	(205.227.055.259)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		515.914.096.616	(253.092.215.513)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(93.629.752.217)	22.764.621.692
- Tiền lãi vay đã trả	14		(88.798.779.455)	(126.883.502.049)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(73.920.301.515)	(38.372.629.138)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(20.194.599.955)	(19.171.004.364)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		639.353.016.943	(127.187.606.029)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(401.827.043.694)	(257.197.475.892)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.313.236.423	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(1.104.572.777.099)	(106.540.504.636)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		200.957.057.386	66.735.108.803
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.750.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		268.941.808.838	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		292.643.646.695	72.346.106.133
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(741.544.071.451)	(228.406.765.592)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các VCSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		16.936.070.477	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		586.624.609.872	1.151.782.827.003
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(643.128.932.175)	(741.862.874.013)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(47.162.247.434)	(17.420.230.820)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(86.730.499.260)	392.499.722.170
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(188.921.553.768)	36.905.350.549
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	726.542.767.957	667.827.120.829
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(35.448.469)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	537.585.765.720	704.732.471.378

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu



Bùi Tiến Dũng

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Tổng giám đốc



Đặng Chính Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty IDICO - CTCP tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (*Ba ngàn tỷ Việt Nam đồng*), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Tổng công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2021 là 1.450 người (tại ngày 31/12/2020: 1.496 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng công ty IDICO - CTCP kinh doanh đúng theo các ngành nghề đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính trong kỳ: Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và sản xuất kinh doanh điện.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu và kết quả hoạt động năm 2021 của Tổng công ty cũng bị sụt giảm. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Tổng công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3 tạm ngừng vận hành từ ngày 28/10/2020 do bị ảnh hưởng của cơn bão số 9 theo Thông báo số 684/TCT-TCKT ngày 29/10/2020 của Tổng công ty IDICO và vận hành, phát điện trở lại kể từ ngày 13/8/2021.

Ngày 02/02/2021, Tổng công ty IDICO ban hành Nghị quyết số 02-2/NQ-TCT về việc điều chỉnh lộ trình thực hiện phương án xử lý sở hữu chéo tại các Công ty con của Tổng công ty theo Nghị quyết số 27/NQ-TCT ngày 29/6/2020. Kết quả thực hiện như sau:

+ Theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của nội bộ số 102/BC-TCT ngày 09/02/2021, Tổng công ty IDICO đã mua 2.494.920 cổ phiếu (tương ứng 10% vốn điều lệ) của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO (IDICO - IDI) theo phương thức giao dịch thỏa thuận. Theo đó, số lượng cổ phiếu nắm giữ của IDICO sau khi thực hiện giao dịch: 14.345.790 cổ phiếu, tăng tỷ lệ sở hữu từ 47,50% lên 57,50% vốn điều lệ IDICO - IDI.

+ Theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu ngày 22/3/2021 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và khu công nghiệp IDICO (IDICO - URBIZ). IDICO (bên Mua) và IDICO - URBIZ (bên Bán) đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Khu công nghiệp Quê Võ IDICO (IDICO - QUEVO) với số lượng cổ phiếu 800.000 cổ phiếu (tương ứng 10% vốn điều lệ), giá bán: 22.200 đồng/cổ phiếu.

+ Theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu ngày 22/3/2021 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và đô thị IDICO (IDICO - UDICO). IDICO (bên Mua) và IDICO - UDICO (bên Bán) đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng cổ phiếu IDICO - QUEVO với số lượng cổ phiếu 400.000 cổ phiếu (tương ứng 5% vốn điều lệ), giá bán: 22.200 đồng/cổ phiếu.

Theo đó, số lượng cổ phiếu nắm giữ của IDICO sau khi thực hiện giao dịch là: 4.394.920 cổ phiếu, tăng tỷ lệ sở hữu từ 39,94% lên 54,94 % vốn điều lệ IDICO - QUEVO.

+ Theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của nội bộ số 197/BC-TCT ngày 31/3/2021, Tổng công ty IDICO đã mua 200.000 cổ phiếu (tương ứng 10% vốn điều lệ) của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO - INCON). Theo đó, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 1.408.000 cổ phiếu, tăng tỷ lệ sở hữu từ 60,40% lên 70,40% vốn điều lệ IDICO - INCON.

+ Theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mi (DAK MI JSC) ngày 15/6/2021 giữa IDICO (bên Bán) và Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO (bên Mua) về việc chuyển nhượng cổ phiếu DAK MI JSC với số lượng 26.000.000 cổ phiếu (tương đương 26% vốn điều lệ tại DAK MI JSC), giá bán: 20.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, số lượng cổ phiếu IDICO nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là: 0 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 0% Vốn điều lệ kể từ ngày 18/6/2021. Do đó, DAK MI JSC không còn là Công ty liên kết của IDICO.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.5 Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30/6/2021, Tổng công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty	Tên công ty viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
A. Các công ty con						
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO	IDICO - URBIZ	Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	IDICO - ICC	Số 48, khu phố 3, phường An Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Xây lắp, đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	IDICO - UDICO	Đường số 4, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh điện và xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	IDICO - SHP	Thôn 7, xã Long Bình, H.Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	Sản xuất kinh doanh điện và nước sạch	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	IDICO - IDI	Km 1906+700, Quốc lộ 1A, KP 5, phường Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, Tp.HCM	BOT giao thông, xây lắp	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	IDICO - LINCO	Số 88, quốc lộ 1 (tuyến tránh), phường 6, Tp.Tân An, tỉnh Long An.	Đầu tư, kinh doanh bất động sản và xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	IDICO - CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	IDICO - INCON	Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, F.25, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM	Tư vấn đầu tư xây dựng	70,40%	70,40%	70,40%
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	IDICO - MCI	KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, H. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	81,94%	81,94%	81,94%
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	IDICO - INCO 10	Số 43A, đường 3/2, F.Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ	Xây lắp	96,83%	96,83%	96,83%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.5 Cấu trúc Tổng công ty (Tiếp theo)

Tên công ty	Tên công ty viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quê Võ IDICO	IDICO - QUE VO	Tầng 13, Tòa nhà HH3, Đường Mễ Trì, F.Mỹ Đình 1, Q.Nam Từ Liêm, Tp.Hà Nội	Kinh doanh hạ tầng KCN	54,94%	54,94%	54,94%
Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	IDICO - TCC	Số 304, đường Trần Hưng Đạo, Tp.Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xây lắp	93,26%	93,26%	93,26%
B. Các công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	PFG	Lô B2, Đường D3, KCN Phú Mỹ 2 mở rộng, F.Tân Phước, TX.Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất kính Công nghiệp	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	BVEC	Km 11, quốc lộ 51, xã Tam Phước, Tp.Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	BOT giao thông và vật liệu xây dựng	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	LAMA IDICO	Km 23, QL 51, Ấp 1, xã Long An, H.Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Gia công cơ khí và lắp đặt thiết bị	30,13%	20,13%	30,13%
Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	SONG HONG 1, JSC	Số 72, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội	Thi công các công trình dân dụng và kinh doanh dự án	34,85%	34,85%	34,85%
C. Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty IDICO -CTCP						
Chi nhánh IDICO - Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3	IDICO - DAK MI 3	133 Phạm Văn Đồng, thị trấn Khâm Đức, H.Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.	Quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3			
Chi nhánh IDICO tại Hà Nội	IDICO - HA NOI	Tầng 13 - Tòa nhà SUDICO, Đường Mễ Trì- Mỹ Đình, F.Mỹ Đình I, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Xây lắp công trình dân dụng			
Chi nhánh IDICO tại Miền Đông	IDICO - IEB	Tầng 3 tòa nhà IDICO-URBIZ, KCN Nhơn Trạch 1, Xã Hiệp Phước, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Quản lý hạ tầng Khu công nghiệp			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất từ Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty con trong cùng Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần từng Công ty con khi hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu thuộc cổ đông không kiểm soát của Tổng công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc kế toán các loại tỷ giá hối đoái áp dụng**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2021.

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...).

(ii) Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của các công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của các công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2014. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kể từ ngày 01/3/2018 (Tổng công ty IDICO chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần), giá trị khấu hao của tài sản cố định trong năm được tính bằng giá trị còn lại của tài sản tại ngày 01/3/2018 chia cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50
Máy móc, thiết bị	08-10
Thiết bị văn phòng	03-05
Phương tiện vận tải	08-10
Hệ thống đường, thoát nước Khu công nghiệp	05-20

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3: Thời gian bắt đầu tính khấu hao từ thời điểm phát điện thương mại theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25/8/2017 của Chính phủ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, chi phí san nền, đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, Khu công nghiệp Phú Mỹ 2, Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Khu công nghiệp Kim Hoa, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, Khu công nghiệp Quê Võ 2, Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3, Khu công nghiệp Cầu Nghìn. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian được giao, thuê đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà cửa vật kiến trúc do IDICO - UDICO và IDICO - URBIZ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, cụ thể:

Bất động sản đầu tư của IDICO - UDICO tại ngày 30/6/2021 gồm Chung cư 5 tầng Hiệp Phước số 01 và Chung cư 5 tầng Hiệp Phước số 02 tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, được IDICO - UDICO sử dụng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê.

Bất động sản đầu tư của IDICO - URBIZ tại ngày 30/6/2021 gồm Chung cư T1, T2, T3 và T4 - Công trình Khu nhà ở Công nhân tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, được IDICO - URBIZ sử dụng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính để khấu hao là 10 năm.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:

Tiền thuê đất trả trước tại các khu công nghiệp phản ánh tiền thuê đất trả trước cho Nhà nước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (tỉnh Đồng Nai) sẽ được phân bổ từ năm 2022-2053 và Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) sẽ được phân bổ từ năm 2034-2055; là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 30/6/2021, Tổng công ty đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)***Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp (Tiếp theo)***

Tiền thuê đất trả trước tại các khu công nghiệp phản ánh tiền thuê đất trả trước cho Nhà nước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (tỉnh Đồng Nai) sẽ được phân bổ từ năm 2022-2053 và Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) sẽ được phân bổ từ năm 2034-2055; là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 30/6/2021, Tổng công ty đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ ngày 08/8/2034 đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 30/6/2021, Tổng công ty đang trong giai đoạn đầu tư và được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Kim Hoa (tỉnh Vĩnh Phúc) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ năm 2003-2053. Tại ngày 30/6/2021, IDICO - URBIZ đang tiếp tục phân bổ theo thời hạn thuê đất của Khu công nghiệp này.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 (tỉnh Đồng Nai) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ năm 1998-2048. Tại ngày 30/6/2021, IDICO - URBIZ đang tiếp tục phân bổ theo thời hạn thuê đất của Khu công nghiệp này.

+ Tiền trả trước tại Khu công nghiệp Quê Võ 2 (tỉnh Bắc Ninh) là giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo biên bản làm việc ngày 29/10/2014 của IDICO - QUEVO với Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh về việc xác định các khoản được trừ về tiền bồi thường giải phóng mặt bằng vào số tiền thuê đất phải nộp. Tại ngày 30/6/2021, IDICO - QUEVO đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và công cụ dụng cụ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ, giá trị công cụ dụng cụ đã phân bổ 100% được đánh giá lại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu

Giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu của Công ty mẹ - Tổng công ty IDICO; IDICO - URBIZ và IDICO - ICC được ghi nhận theo số liệu Biên bản Điều chỉnh kết quả Thẩm tra Xác định giá trị doanh nghiệp theo Phương pháp tài sản của Tổng công ty tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đã ký ngày 29/9/2016. Giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm và bắt đầu phân bổ vào thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 01/3/2018). Tại ngày 30/6/2021, Tổng công ty đã phân bổ hết giá trị này vào chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng công ty và người bán (là đơn vị độc lập bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Tổng công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay hợp nhất cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, có 29.901.788.729 VND (cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020: 15.972.485.586 VND) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay liên quan đến Nhà máy thủy điện Đak Mi 3, các khu công nghiệp;
- Chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng từ doanh thu tiền điện;
- Chi phí Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ 2;
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê cơ sở hạ tầng); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Tổng công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp:**

Doanh thu từ việc cho thuê hạ tầng trong Khu công nghiệp được ghi nhận trên cơ sở bàn giao hạ tầng cho bên thuê được bên thuê chấp thuận thanh toán. Tiền thuê đất được trả trước và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

Doanh thu kinh doanh điện

Đối với Nhà máy thủy điện Đak Mi 3: Doanh thu được xác định và ghi nhận dựa trên vào bảng kê sản lượng điện hợp đồng theo từng giờ, từng ngày và giá bán theo Hợp đồng mua bán điện số 03/2017/HĐ-NMĐ-Đak Mi 3 ngày 31/3/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04 ngày 01/6/2020 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty IDICO về việc mua bán điện Nhà máy thủy điện Đak Mi 3.

Đối với Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO: Doanh thu được xác định và ghi nhận dựa vào bảng kê sản lượng điện hợp đồng theo từng giờ, từng ngày và giá bán theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐ-SROK PHU MIÉNG ký ngày 12/6/2012 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06 Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng giữa Công ty Mua bán điện và Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Đối với Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO: Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Doanh thu chuyển nhượng bất động sản:**

- a) Đối với các công trình, hạng mục công trình mà các Công ty con là chủ đầu tư. Các Công ty con ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:
- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, các Công ty con đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
 - Các công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.
- b) Các Công ty con ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:
- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
 - Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất

Doanh thu cho thuê bất động sản:

Doanh thu cho thuê bất động sản được xác định và ghi nhận trên hợp đồng đã ký với bên cho thuê và giá bán được căn cứ vào hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động đường bộ:

Doanh từ hoạt động thu phí sử dụng đường bộ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ thu phí (thu tiền từ khách hàng).

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận:

Tổng công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Hoạt động kinh doanh tại Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (2017-2031). Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3717743015 ngày 23/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 được miễn bốn năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2017 - 2020) và giảm 50% trong chín năm tiếp theo (2021 - 2029).
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:

(i) Khu công nghiệp Mỹ Xuân A: Miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8751/BKH-PTDN ngày 19/12/2005 của Bộ Kế hoạch và đầu tư (từ năm 2009 đến năm 2054).

(ii) Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5: Giấy chứng nhận đầu tư số 47221001111 ngày 15/4/2014:

+ Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ năm 2004 đến năm 2010) và được miễn tiền thuê đất 11 năm theo ưu đãi đầu tư kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ năm 2011 đến năm 2021).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: thực hiện nộp trong năm 2017 theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

(iii) Khu công nghiệp Phú Mỹ 2: Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000174 ngày 20/6/2013:

+ Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ năm 2011 đến năm 2018) và được miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ năm 2019 đến năm 2033).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp trong năm 2017 (một phần) theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước và nộp phần còn lại (năm 2019) theo Thông báo của Chi cục thuế Thị xã Phú Mỹ.

(iv) Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng: Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000113 ngày 05/6/2015: Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ năm 2011 đến năm 2017) và được miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ năm 2018 đến năm 2029).

(v) Khu công nghiệp Hựu Thạnh: Giấy chứng nhận đầu tư số 6567676128 ngày 27/9/2018:

+ Miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ ngày 06/8/2019 đến ngày 05/8/2034).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp theo Thông báo số 513/TBHKDCN-CT ngày 23/6/2020 của Cục thuế tỉnh Long An: Lần 1 ngày 17/8/2020 (50%) và lần 2 ngày 23/9/2020 (50%).

(vi) Khu công nghiệp Cầu Nghìn: Theo Quyết định số 563/QĐ-CT ngày 31/3/2021 của Cục thuế tỉnh Thái Bình về việc miễn tiền thuê đất theo ưu đãi đầu tư: Miễn 6 năm 7 tháng (từ tháng 11/2018 đến tháng 05/2025) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền đất, thuê mặt nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thường Ban điều hành Tổng công ty.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tổng công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, kinh doanh điện năng, thu phí đường bộ, xây lắp, bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Tổng công ty. Tổng công ty hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	41.593.263.925	21.622.494.297
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	117.678.589.769	288.426.163.005
Các khoản tương đương tiền (i)	378.313.912.026	416.494.110.655
Tổng	537.585.765.720	726.542.767.957

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn không quá 03 tháng với lãi suất bình quân từ 3,4%/năm đến 5,5%/năm.

5.2 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	72.977.377.928	72.977.377.928	22.832.409.043	22.832.409.043
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đồng	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam -CN Đồng Nai	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN TP.HCM	38.660.000.000	38.660.000.000	38.660.000.000	38.660.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM	155.000.000.000	155.000.000.000	115.000.000.000	115.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Vũng Tàu - PGD Rạch Dừa	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Campuchia- CN Hà Nội	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	434.000.000.000	434.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Côn Đảo	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Gia Định	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.HCM - CN Vũng Tàu	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.2 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (Tiếp theo)

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Long An	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nhà Bè	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Bà Rịa Vũng Tàu	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Vũng Tàu	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Vũng tàu	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thủ dầu Một	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vũng Tàu	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	-	-	512.000.000.000	512.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam-CN Cần Thơ	16.226.142.358	16.226.142.358	7.798.334.144	7.798.334.144
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Trần Duy Hưng	127.000.000.000	127.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín- PGD Tân An	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Tp.HCM	755.000.000.000	755.000.000.000	-	-
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Tp.HCM	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Tổng	1.889.913.520.286	1.889.913.520.286	1.014.340.743.187	1.014.340.743.187

Đây là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng của Tổng công ty và các Công ty con tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất bình quân từ 3,5%/năm đến 7,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.3 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Tại ngày 30/6/2021 (VND)			Tại ngày 01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Giá theo phương pháp vốn CSH	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Giá theo phương pháp vốn CSH	Giá trị hợp lý (i)
DAK MI JSC (ii)	-	-	-	260.000.000.000	265.200.000.000	-
PFG	265.800.000.000	274.769.066.066	-	265.800.000.000	265.800.000.000	-
BVEC	150.712.000.000	125.292.327.857	-	150.712.000.000	135.653.926.413	-
LAMA IDICO	18.218.017.481	21.359.428.684	-	18.218.017.481	23.708.705.032	-
SONG HONG 1, JSC (iii)	14.178.357.303	-	-	14.178.357.303	-	-
Tổng	448.908.374.784	421.420.822.607	-	708.908.374.784	690.362.631.445	-

(i) Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mi (DAK MI JSC) ngày 15/6/2021 giữa IDICO (bên Bán) và Công ty TNHH Tập đoàn BITECO (bên Mua) về việc chuyển nhượng cổ phiếu DAK MI JSC với số lượng 26.000.000 cổ phiếu (tương đương 26% vốn điều lệ tại DAK MI JSC), giá bán: 20.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, số lượng cổ phiếu IDICO nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là: 0 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 0% Vốn điều lệ kể từ ngày 18/6/2021. Do đó, DAK MI JSC không còn là Công ty liên kết của IDICO.

(iii) SONG HONG 1, JSC vốn chủ sở hữu (Mã 410) đã bị âm vốn nên giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu 0 đồng.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.4 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC VÀ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Tỷ lệ		30/6/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý (i)	Dự phòng
I. Đầu tư vào đơn vị khác			148.595.659.784		(2.440.026.737)	148.595.659.784		(2.440.026.737)
CUONG THUAN								
IDICO (i)	1,22%	1,22%	8.393.000.000	11.935.000.000	-	8.393.000.000	11.935.000.000	-
LONG SON PIC (i)	8,54%	8,54%	28.256.416.000	74.879.502.400	-	28.256.416.000	74.879.502.400	-
IUV (ii)	7,17%	7,17%	10.217.858.042		(2.440.026.737)	10.217.858.042		(2.440.026.737)
VINA UIC JSC (ii)	8,91%	8,91%	3.119.400.000		-	3.119.400.000		-
NAGECCO (i)	5,00%	5,00%	2.951.688.000	621.000.000	-	2.951.688.000	621.000.000	-
DTC (ii)	4,57%	4,57%	14.470.722.442		-	14.470.722.442		-
Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2 (ii)	14,37%	14,37%	25.573.734.700		-	25.573.734.700		-
Công ty cổ phần Khai thác Hạnh Phúc (ii)	7,50%	7,50%	6.750.000.000		-	6.750.000.000		-
Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên (ii)	0,00135%	0,00135%	112.840.600		-	112.840.600		-
IDTT (ii)	2,50%	2,50%	3.750.000.000		-	3.750.000.000		-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Mỹ Xuân (ii)	15,00%	15,00%	45.000.000.000		-	45.000.000.000		-
II. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			100.000.000.000		-	-		-
Công ty cổ phần phát triển KCN và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC (iii)			100.000.000.000		-	-		-
Tổng			248.595.659.784		(2.440.026.737)	148.595.659.784		(2.440.026.737)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.4 ĐẦU TƯ GÓP VÀO ĐƠN VỊ KHÁC VÀ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (Tiếp theo)

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30/6/2021 được trình bày:

(i) Tổng công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và số lượng cổ phiếu mà Tổng công ty đang nắm giữ.

(ii) Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(iii) Nghị quyết số 06/NQ-CT ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021: Nguồn vốn, giá trị đầu tư: Sử dụng một phần tiền nhàn rỗi đang gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng, tối đa không vượt quá 300 tỷ VND để đầu tư; Kỳ hạn cho vay: Tối đa 2 năm; Lãi suất vay tối thiểu: 10%/năm; Hình thức bảo đảm: Có bảo lãnh thanh toán không hủy ngang của tổ chức tài chính, tín dụng tại Việt Nam có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh thanh toán; Loại hình trái phiếu: là trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm.

Các giao dịch chủ yếu giữa Tổng công ty và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

5.5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	473.115.919.615	436.725.413.093
Công ty Mua bán điện - EVN	55.580.014.784	50.788.721.788
Công ty cổ phần Dệt Texhong Nhơn Trạch	16.054.462.987	17.065.482.709
Công ty Hualon Corporation Việt Nam	16.802.258.833	10.029.598.489
Công ty cổ phần Thủy điện Dakrinh	7.122.922.361	7.122.922.361
Công ty cổ phần Du lịch Đồng Tháp	-	4.000.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO	12.769.375.253	14.269.375.253
Công ty TNHH May Thiên Kim	10.537.743.600	10.537.743.600
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Đô thị	10.712.667.895	10.712.667.895
Công ty TNHH Trịnh Gia Thịnh	21.169.078.470	-
BQL dự án đầu tư xây dựng khu vực quận 12	4.090.076.900	4.090.076.900
Công ty cổ phần Đầu tư Kim Trường Phát	6.252.050.522	5.407.208.419
Công ty cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hòa	10.232.519.722	8.035.125.345
Công ty cổ phần phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa	18.213.744.235	-
Các đối tượng còn lại	283.579.004.053	294.666.490.334
b) Phải thu khách hàng dài hạn	14.490.916.169	12.756.042.627
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn khác	14.490.916.169	12.756.042.627
Tổng	487.606.835.784	449.481.455.720

*Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan
(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)*

1.370.568.397

4.505.399.234

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
C.ty TNHH Đầu tư XD và công nghệ MT Dương Nhật	10.103.670.066	-
Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	20.000.549.274	21.532.935.504
Các đối tượng còn lại	108.430.159.888	68.601.893.280
Tổng	138.534.379.228	90.134.828.784

5.7 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Mi	-	71.957.057.386
Tổng	-	71.957.057.386
<i>Trong đó: Phải thu cho vay là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>-</i>	<i>71.957.057.386</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.8 PHẢI THU KHÁC

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	113.191.940.061	(4.458.402.571)	262.494.117.028	(4.338.515.578)
Lãi dự thu của các ngân hàng	33.455.717.307	-	28.835.400.289	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	12.764.492.553	-
Tạm ứng	22.029.804.720	(1.072.707.352)	16.144.712.580	(1.557.441.591)
Ký cược, ký quỹ	462.366.008	-	794.172.008	-
Phải thu khác (i)	57.244.052.026	(3.385.695.219)	203.955.339.598	(2.781.073.987)
b) Dài hạn	144.431.859.998	-	44.446.912.190	(51.622.896)
Tạm ứng	-	-	51.622.896	(51.622.896)
Ký cược, ký quỹ	110.798.472.356	-	10.761.901.652	-
Phải thu khác (ii)	33.633.387.642	-	33.633.387.642	-
Tổng	257.623.800.059	(4.458.402.571)	306.941.029.218	(4.390.138.474)

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn (i)	57.244.052.026	(3.385.695.219)	203.955.339.598	(2.781.073.987)
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Đức Hòa	38.283.806.391	-	33.440.850.343	-
DAK MI JSC	-	-	152.598.921.968	-
Các đối tượng khác	18.960.245.635	(3.385.695.219)	17.915.567.287	(2.781.073.987)
Dài hạn (ii)	33.633.387.642	-	33.633.387.642	-
Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng khai thác mỏ đá Tăng Xi	20.088.889.066	-	20.088.889.066	-
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	12.945.510.000	-	12.945.510.000	-
Phải thu dài hạn khác	598.988.576	-	598.988.576	-
Tổng	90.877.439.668	(3.385.695.219)	237.588.727.240	(2.781.073.987)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.9 NỢ XẤU

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Ngắn hạn	26.976.174.446	6.702.316.887	25.070.234.520	5.033.987.301
Công ty TNHH Sản xuất Hammer	2.953.260.485	16.698.875	2.954.027.701	17.466.091
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Bảo Toàn	2.060.857.976	-	2.060.857.976	-
Công ty TNHH ACOTEC Hoàng Vũ	5.316.515.494	3.726.505.623	4.029.105.832	2.439.095.961
Công ty TNHH Đầu tư QL1 Tiền Giang	1.308.211.699	664.651.649		
Công ty cổ phần Thép Quatron	632.774.054	-	632.774.054	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cát Tường	901.100.912	-	901.100.912	-
Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp dầu khí Sài Gòn	810.510.797	-	810.510.797	-
Công ty cổ phần Xây lắp dầu khí 2	390.347.741	-	390.347.741	-
Công ty TNHH Giang An Huy	244.968.069	-	244.968.069	-
Công ty cổ phần Xi măng Miền Trung	425.738.260	-	425.738.260	-
Công ty TNHH Xây Dựng Hoàng Long	234.687.367	-	234.687.367	-
Công ty TNHH MTV sản xuất TM VT Tiên Thành	441.488.076	-	441.488.076	-
Các đối tượng còn lại	11.255.713.516	2.294.460.740	11.944.627.735	2.577.425.249
b) Dài hạn	4.558.581.885	4.200.721.823	3.658.114.732	3.300.254.670
Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	3.300.254.670	3.300.254.670	3.300.254.670	3.300.254.670
Các đối tượng còn lại	1.258.327.215	900.467.153	357.860.062	-
Tổng	31.534.756.331	10.903.038.710	28.728.349.252	8.334.241.971

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.10 TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiền	-	148.322.234	-	148.322.234
Hàng tồn kho	-	7.857.990.526	-	7.857.990.526
Tài sản khác	-	57.000.000	-	57.000.000
Tổng	-	8.063.312.760	-	8.063.312.760

5.11 HÀNG TỒN KHO

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.998.404.842	-	16.360.797.971	-
Công cụ, dụng cụ	521.342.069	(5.600.000)	157.322.210	(5.600.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	416.877.950.097	-	361.557.382.766	-
Thành phẩm	148.511.088.065	(221.611.703)	2.322.490.129	(221.611.703)
Hàng hóa	443.192.615	-	159.589.950.909	-
Hàng hóa bất động sản	9.468.998.000	-	-	-
Tổng	600.820.975.688	(227.211.703)	539.987.943.985	(227.211.703)

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	6.037.547.332.921	1.309.066.791.334	148.246.593.484	11.500.335.219	23.967.210.211	7.530.328.263.169
Tăng trong kỳ	33.371.912.954	9.748.310.851	1.908.690.968	2.373.914.575	-	47.402.829.348
Mua trong kỳ	242.101.890	2.300.374.636	1.908.690.968	2.373.914.575	-	6.825.082.069
Đầu tư XDCB hoàn thành	33.129.811.064	7.447.936.215	-	-	-	40.577.747.279
Giảm trong kỳ	164.899.901	-	3.263.040.000	-	-	3.427.939.901
Thanh lý nhượng bán	-	-	3.263.040.000	-	-	3.263.040.000
Giảm khác	164.899.901	-	-	-	-	164.899.901
Số dư tại ngày 30/6/2021	6.070.754.345.974	1.318.815.102.185	146.892.244.452	13.874.249.794	23.967.210.211	7.574.303.152.616
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.527.345.947.339	782.382.920.813	108.466.987.369	7.650.019.822	16.780.552.765	3.442.626.428.108
Tăng trong kỳ	131.161.350.164	36.631.863.578	5.194.710.360	702.283.476	401.660.131	174.091.867.709
Khấu hao trong kỳ	131.161.350.164	36.631.863.578	5.194.710.360	702.283.476	401.660.131	174.091.867.709
Giảm trong kỳ	164.899.901	-	1.010.926.451	-	-	1.175.826.352
Thanh lý nhượng bán	-	-	1.010.926.451	-	-	1.010.926.451
Giảm khác	164.899.901	-	-	-	-	164.899.901
Số dư tại ngày 30/6/2021	2.658.342.397.602	819.014.784.391	112.650.771.278	8.352.303.298	17.182.212.896	3.615.542.469.465
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại ngày 01/01/2021	3.510.201.385.582	526.683.870.521	39.779.606.115	3.850.315.397	7.186.657.446	4.087.701.835.061
Số dư tại ngày 30/6/2021	3.412.411.948.372	499.800.317.794	34.241.473.174	5.521.946.496	6.784.997.315	3.958.760.683.151

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2021 là 2.126.386.731 VND (tại ngày 31/12/2020 là 2.586.237.607.738 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021 là 332.219.742.207 VND (tại ngày 31/12/2020 là 345.231.019.364 VND)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại 30/6/2021 với giá trị 6.915.375.081 VND (tại ngày 31/12/2020 là 6.915.375.081 VND).

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.223.997.602.047	1.791.795.808	268.097.863.806	2.493.887.261.661
Tăng trong kỳ	14.600.556.619	-	-	14.600.556.619
Mua trong kỳ	14.600.556.619	-	-	14.600.556.619
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	<u>2.238.598.158.666</u>	<u>1.791.795.808</u>	<u>268.097.863.806</u>	<u>2.508.487.818.280</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	388.658.724.050	1.743.613.683	52.390.738.736	442.793.076.469
Tăng trong kỳ	24.491.834.208	22.068.250	2.630.410.452	27.144.312.910
Khấu hao trong kỳ	24.491.834.208	22.068.250	2.630.410.452	27.144.312.910
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	<u>413.150.558.258</u>	<u>1.765.681.933</u>	<u>55.021.149.188</u>	<u>469.937.389.379</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại ngày 01/01/2021	<u>1.835.338.877.997</u>	<u>48.182.125</u>	<u>215.707.125.070</u>	<u>2.051.094.185.192</u>
Số dư tại ngày 30/6/2021	<u>1.825.447.600.408</u>	<u>26.113.875</u>	<u>213.076.714.618</u>	<u>2.038.550.428.901</u>

Giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2021 là 1.228.658.275.728 VND (tại ngày 31/12/2020 là 1.206.598.985.115 VND).

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)

Stt	Mục đích sử dụng đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Nguyên giá (VND)	Thời hạn
1	Trụ sở Tổng công ty IDICO	151 Ter, Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Q3, TP. HCM	358	515.419.200	50 năm
2	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	3.093.931	47.934.282.152	Đến năm 2052
3	Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	3.582.751	91.520.425.736	Đến năm 2052
4	Nhà máy thủy điện Đak mi 3	Huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam	1.960.484	60.157.388.096	Đến năm 2059
5	Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 và Phú Mỹ 2 mở rộng	Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10.214.700	1.381.738.373.766	Đến năm 2058
6	Khu công nghiệp Cầu Nghìn	Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	440.769,6	52.759.299.440	Đến năm 2068
7	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	3.918.700	56.648.720.923	Đến năm 2048
8	Khu công nghiệp Kim Hoa	Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	500.000	36.518.318.431	Đến năm 2053
9	Cửa hàng xăng dầu IDICO - MCI	Xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	510,1	338.905.900	Đến năm 2043
10	Lòng hồ, đường dây thủy điện Srok Phu Miêng	Các huyện Bù Gia Mập, Phú Riềng, Hớn Quản, Lộc Ninh và Bù Đốp tỉnh Bình Phước	16.460.789	211.693.560.591	Đến năm 2057
11	Khu đầu mối thủy điện Srok Phu Miêng	Xã Long Bình, huyện Phú Riềng và xã Thanh An, huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước	753.592	3.005.563.951	Đến năm 2057
12	Trụ sở IDICO - LINCO	Số 88, QL1 (tuyến tránh), phường 6, TP. Tân An, tỉnh Long An	920,5	2.671.039.898	Lâu dài
13	Trụ sở IDICO - CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	8.137	51.344.488.700	Lâu dài
14	Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.121.607,4	226.997.454	Đến năm 2062
15	Trụ sở IDICO - INCON	Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	80,4	2.389.054.000	Lâu dài
16	Trụ sở IDICO - INCO 10	Số 1A, Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	685,6	6.910.848.000	Lâu dài
17	Khu công nghiệp Quê Võ 2	Xã Ngọc Xá, huyện Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh	1.195.524,1	232.225.472.428	Đến năm 2057
	Tổng		44.253.540	2.238.598.158.666	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Nguyên giá	158.596.007.375	-	-	158.596.007.375
Nhà chung cư T1, T2, T3 và T4 (i)	142.549.640.402	-	-	142.549.640.402
Nhà chung cư Hiệp Phước số 1 (ii)	8.538.454.666	-	-	8.538.454.666
Nhà chung cư Hiệp Phước số 2 (ii)	7.507.912.307	-	-	7.507.912.307
Giá trị hao mòn lũy kế	37.759.360.840	3.275.770.850	-	41.035.131.690
Nhà chung cư T1, T2, T3 và T4 (i)	27.644.194.176	2.836.241.804	-	30.480.435.980
Nhà chung cư Hiệp Phước số 1 (ii)	5.332.620.729	237.566.944	-	5.570.187.673
Nhà chung cư Hiệp Phước số 2 (ii)	4.782.545.935	201.962.102	-	4.984.508.037
Giá trị còn lại	120.836.646.535	-	3.275.770.850	117.560.875.685
Nhà chung cư T1, T2, T3 và T4	114.905.446.226	-	2.836.241.804	112.069.204.422
Nhà chung cư Hiệp Phước số 1	3.205.833.937	-	237.566.944	2.968.266.993
Nhà chung cư Hiệp Phước số 2	2.725.366.372	-	201.962.102	2.523.404.270

(i) Bất động sản đầu tư của IDICO - URBIZ tại ngày 30/6/2021 gồm Chung cư T1, T2, T3 và T4 - Công trình Khu nhà ở Công nhân tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, được IDICO - URBIZ sử dụng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ với số tiền lần lượt là 6.621.119.152 VND và 4.598.247.533 VND

(ii) Bất động sản đầu tư của IDICO - UDICO tại ngày 30/6/2021 gồm Chung cư 5 tầng Hiệp Phước số 01 và Chung cư 5 tầng Hiệp Phước số 02 tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, được IDICO - UDICO sử dụng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ với số tiền lần lượt là 1.451.188.465 VND và 1.289.311.529 VND

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng công ty chưa có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Chi mua sắm	-	30.363.636
Chi mua sắm	-	30.363.636
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	4.042.323.907.999	3.702.469.886.636
Khu công nghiệp Hựu Thạnh	2.432.431.574.254	2.322.129.394.499
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	482.502.945.336	475.548.196.349
Khu công nghiệp Quế Võ 2	220.542.651.205	123.622.627.940
Khu công nghiệp Cầu Ngàn	114.930.428.753	108.246.534.977
Cầu Tân Kỳ Tân Quý, thành phố Hồ Chí Minh	144.004.432.611	138.478.556.548
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	107.859.302.373	101.504.689.195
Khu tái định cư khu công nghiệp Hựu Thạnh	60.849.805.807	60.040.898.827
Dự án khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	8.720.464.607	13.741.878.207
Khu dân cư nhà ở công nhân khu công nghiệp Hựu Thạnh	297.539.874.663	197.095.588.574
Nhà máy xử lý nước thải khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	3.436.226.004	21.065.162.628
Cao ốc 326 Nguyễn An Ninh	17.174.679.505	17.036.679.505
Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	14.356.176.609	18.681.843.426
Nhà máy thủy điện Dak Mi 3	7.519.702.234	7.519.702.234
Khu công nghiệp Mỹ Xuân A mở rộng	24.801.909.672	16.238.883.372
Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2 - tỉnh Bình Thuận	-	5.153.993.780
Khu dân cư trung tâm mở rộng phường 6 giai đoạn 2	8.896.755.013	-
Khu đô thị IDICO-LINCO, phường 5 - Tân An	900.543.636	-
Dự án khu nhà ở CBCNV - Chuyên gia 3,4 ha Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	21.165.044.663	627.552.472
Nhà máy xử lý nước thải KCN Hựu Thạnh	158.963.257	-
Dự án mỏ sét Long An	5.741.145.414	5.741.145.414
Nhà máy xử lý nước thải KCN Phú Mỹ 2	844.762.861	844.762.861
Dự án khu đô thị Bắc Châu Giang Hà Nam	21.651.062.952	19.618.390.678
Các dự án khác	46.295.456.570	49.533.405.150
Tổng	4.042.323.907.999	3.702.500.250.272

5.16 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do trích dự phòng chi phí duy tu sửa chữa dự án BOT An Sương - An Lạc	9.790.768.530	9.790.768.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	4.054.964.442	10.669.294.205
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	1.709.214.770	1.005.526.587
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	3.341.930.810
Chi phí tiếp thị dự án khu dân cư trung tâm phường 6 mở rộng	-	4.528.181.818
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.345.749.672	1.793.654.990
b) Dài hạn	624.059.047.046	523.814.965.066
Chi phí trả trước tiền thuê đất	487.379.206.059	489.662.130.241
<i>Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (i)</i>	<i>84.824.213.123</i>	<i>84.824.213.123</i>
<i>Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (i)</i>	<i>139.754.811.831</i>	<i>139.754.811.831</i>
<i>Khu công nghiệp Kim Hoa (ii)</i>	<i>66.897.673.848</i>	<i>68.128.919.378</i>
<i>Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 (ii)</i>	<i>56.422.317.208</i>	<i>57.473.995.860</i>
<i>Khu công nghiệp Quế Võ 2 (iv)</i>	<i>58.499.706.049</i>	<i>58.499.706.049</i>
<i>Khu công nghiệp Hựu Thạnh (v)</i>	<i>80.980.484.000</i>	<i>80.980.484.000</i>
Giá trị lợi thế kinh doanh	100.000.000	922.598.484
Chi phí sửa chữa	114.909.485.433	10.589.964.904
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	6.724.173.229	7.399.342.300
Chi phí xúc tiến đầu tư khu công nghiệp	5.797.452.292	5.293.714.665
Chi phí trả trước khác	9.148.730.033	9.947.214.472
Tổng	628.114.011.488	534.484.259.271

(i) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (tỉnh Đồng Nai) sẽ được phân bổ từ năm 2022-2053 và tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) sẽ được phân bổ từ năm 2034-2055 là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 30/6/2021, Tổng công ty đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

(ii) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Kim Hoa (tỉnh Vĩnh Phúc) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ năm 2003-2053. Tại ngày 30/6/2021, IDICO - URBIZ đang tiếp tục phân bổ theo thời hạn thuê đất của Khu công nghiệp này.

(iii) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 (tỉnh Đồng Nai) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ năm 1998-2048. Tại ngày 30/6/2021, IDICO - URBIZ đang tiếp tục phân bổ theo thời hạn thuê đất của Khu công nghiệp này.

(iv) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Quế Võ 2 (tỉnh Bắc Ninh) là giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo biên bản làm việc ngày 29/10/2014 của IDCO - QUEVO với Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh về việc xác định các khoản được trừ về tiền bồi thường giải phóng mặt bằng vào số tiền thuê đất phải nộp. Tại ngày 30/6/2021, IDICO - QUEVO đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

(v) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ ngày 08/8/2034 đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 30/6/2021, Tổng công ty đang trong giai đoạn đầu tư và được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.18 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - SHP	54.392.835.500	54.392.835.500
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - IDI	57.655.374.376	57.655.374.376
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - TCC	2.084.567.319	2.084.567.319
Tổng	114.132.777.195	114.132.777.195
Đã phân bổ vào chi phí các năm trước	103.004.571.817	96.822.120.915
Đã phân bổ vào chi phí trong năm	3.091.225.451	6.182.450.902
Lợi thế thương mại còn phân bổ	8.036.979.927	11.128.205.378

5.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/6/2021
Phải nộp	84.665.464.408	192.513.470.927	179.700.671.672	97.478.263.663
Thuế GTGT	13.041.212.739	66.508.275.371	72.193.511.055	7.355.977.055
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.378.096.226	100.918.665.325	73.310.764.663	72.985.996.888
Thuế thu nhập cá nhân	4.513.542.291	5.725.971.246	10.036.627.892	202.885.645
Thuế tài nguyên	4.135.413.662	9.915.108.162	10.450.241.997	3.600.279.827
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.682.590.211	2.006.617.193	1.402.902.301	2.286.305.103
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	15.914.609.279	7.438.833.630	12.306.623.764	11.046.819.145
Phải thu	464.721.109	416.989.603	733.245.592	780.977.098
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	64.041.783	64.041.783	609.536.852	609.536.852
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	129.931.634	129.931.634	118.907.050	118.907.050
Các khoản khác phải thu nhà nước	270.747.692	223.016.186	4.801.690	52.533.196

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.20 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	51.867.950.890	51.867.950.890	61.121.283.440	61.121.283.440
Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Thành Đạt	-	-	4.663.507.188	4.663.507.188
Công ty cổ phần Cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4.411.647.135	4.411.647.135	5.310.846.424	5.310.846.424
Công ty TNHH Thành Thuận Tiến	2.375.141.778	2.375.141.778	8.499.773.409	8.499.773.409
Công ty TNHH An Lộc Phát 79	3.475.369.444	3.475.369.444	3.475.369.444	3.475.369.444
Công ty cổ phần Cơ giới và xây lắp số 9	10.356.003.598	10.356.003.598	10.356.003.598	10.356.003.598
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng HaCo Hải Phòng	-	-	3.337.522.600	3.337.522.600
Công ty TNHH MTV Trường Hóa	-	-	1.223.007.500	1.223.007.500
Các đối tượng còn lại	193.911.918.347	193.911.918.347	205.401.486.768	205.401.486.768
Tổng	266.398.031.192	266.398.031.192	303.388.800.371	303.388.800.371
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>145.740.836</i>	<i>145.740.836</i>	<i>145.740.836</i>	<i>145.740.836</i>

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.21 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	81.479.246.551	102.523.627.379
Khách hàng mua đất KDCTT mở rộng P6	18.630.471.417	5.870.900.000
BQL Dự án đầu tư Nhà máy sứ Viglacera Mỹ Xuân - Chi nhánh Tổng công ty Viglacera - CTCP	1.070.736.800	6.214.453.800
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông	28.085.798.614	31.629.893.839
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình Quận 9	8.745.502.866	5.234.239.697
Công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC	-	9.539.684.587
Công ty TNHH Dịch vụ kho vận PTL	-	5.579.227.253
Các đối tượng khác	24.946.736.854	38.455.228.203
a) Dài hạn	147.160.890.518	100.358.684.583
Khách hàng mua nhà ở hình thành trong tương lai (i)	147.160.890.518	100.358.684.583
Tổng	228.640.137.069	202.882.311.962

(i) Đây là khoản người mua trả tiền trước liên quan đến Dự án Khu dân cư Trung tâm Mở rộng phường 6 do Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO làm chủ đầu tư.

5.22 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	22.437.045.336	30.316.994.646
Trích trước chi phí lãi vay dự trả:	7.640.515.466	8.683.257.616
- Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	6.500.277.911	7.109.444.577
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	1.115.988.133	1.449.167.011
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	24.249.422	102.148.855
- Khu công nghiệp Hựu Thạnh	-	21.339.739
- Khu công nghiệp Cầu Nghìn	-	1.157.434
Trích trước chi phí thuê tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng từ doanh thu tiền điện	-	1.250.266.752
Chi phí công trình Mở rộng Quốc lộ 1A Km 848 +875 - Km 890 +200 Thừa Thiên Huế	1.069.912.441	1.069.912.441
Chi phí san nền Khu công nghiệp Hựu Thạnh	-	6.586.941.319
Chi phí thi công công trình Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh	1.427.345.818	1.445.182.818
Trích trước chi phí Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ 2	748.387.558	748.387.558
Chi phí xây dựng HTXL nước thải KDC phường 6	4.459.255.006	4.459.255.006
Chi phí phải trả khác	7.091.629.047	6.073.791.136
b) Dài hạn	1.146.513.584	1.146.513.584
Chi phí phải trả dài hạn khác	1.146.513.584	1.146.513.584
Tổng	23.583.558.920	31.463.508.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.23 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	213.913.020.094	257.452.876.947
Kinh phí công đoàn	1.793.311.307	1.524.393.250
Bảo hiểm xã hội	618.232.892	165.997.156
Bảo hiểm y tế	78.735.912	49.127.069
Bảo hiểm thất nghiệp	38.263.457	21.414.329
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	113.828.955.013	116.283.747.659
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13.288.426.144	52.610.676.028
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	84.267.095.369	86.797.521.456
b) Dài hạn	8.871.725.850	8.185.106.902
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.762.700.000	4.777.700.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.109.025.850	3.407.406.902
Tổng	222.784.745.944	265.637.983.849
(i) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ban Điều hành dự án Khu căn hộ cao tầng Tân Phú IDICO	-	797.586.933
Đền bù các hộ dân quận 7 và Nhà Bè	2.007.375.652	2.007.375.652
Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2	20.171.952.000	20.171.952.000
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án phường 6, mở rộng	3.512.518.188	3.512.518.188
Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (ii)	45.103.258.837	45.103.258.837
Công ty cổ phần Cơ giới và xây lắp số 9	1.013.626.447	1.013.626.447
Phải trả ngắn hạn khác	12.458.364.245	14.191.203.399
Tổng	84.267.095.369	86.797.521.456

(ii) Hoàn trả theo Thỏa thuận ngày 22/8/2019 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (Đại Quang Minh) về việc hoàn trả các chi phí liên quan đến khu đất khoảng 26,4ha nằm về phía Bắc Quốc lộ 10 thuộc Dự án Khu công nghiệp Cầu Nghìn.

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.24 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/6/2021 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	524.799.892.655	524.799.892.655	475.708.525.470	539.042.000.103	588.133.367.288	588.133.367.288
a1. Vay ngắn hạn (i)	319.964.145.800	319.964.145.800	366.463.758.470	387.227.024.970	340.727.412.300	340.727.412.300
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.Hồ Chí Minh	93.757.017.740	93.757.017.740	62.985.854.400	60.000.000.000	90.771.163.340	90.771.163.340
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	11.107.183.568	11.107.183.568	-	-	11.107.183.568	11.107.183.568
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Tháp	43.394.373.795	43.394.373.795	57.959.832.046	147.226.604.304	132.661.146.053	132.661.146.053
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước	20.894.613.283	20.894.613.283	22.339.363.583	31.107.525.344	29.662.775.044	29.662.775.044
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước	5.215.374.000	5.215.374.000	5.215.374.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Long An	64.718.802.727	64.718.802.727	70.064.496.968	60.304.574.743	54.958.880.502	54.958.880.502
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ	10.012.232.444	10.012.232.444	13.297.411.869	11.051.943.800	7.766.764.375	7.766.764.375
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình	-	-	1.208.013.115	2.457.512.533	1.249.499.418	1.249.499.418
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	42.954.235.401	42.954.235.401	42.954.235.401	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Long An	-	-	24.992.196.622	37.542.196.622	12.550.000.000	12.550.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	11.783.417.252	11.783.417.252	49.320.084.876	37.536.667.624	-	-
Ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam - CN TP.Hồ Chí Minh	16.126.895.590	16.126.895.590	16.126.895.590	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.24 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/6/2021 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a2. Nợ dài hạn đến hạn trả	204.835.746.855	204.835.746.855	109.244.767.000	151.814.975.133	247.405.954.988	247.405.954.988
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	63.524.000.000	63.524.000.000	32.198.000.000	32.198.000.000	63.524.000.000	63.524.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	38.933.696.855	38.933.696.855	-	46.057.500.000	84.991.196.855	84.991.196.855
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Quảng Nam	80.000.000.000	80.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đồng Nai	12.601.000.000	12.601.000.000	12.560.000.000	7.027.216.466	7.068.216.466	7.068.216.466
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Quảng Ngãi	27.050.000	27.050.000	-	73.425.000	100.475.000	100.475.000
Quỹ đầu tư phát triển Long An	9.750.000.000	9.750.000.000	4.375.000.000	5.900.000.000	11.275.000.000	11.275.000.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	111.767.000	558.833.667	447.066.667	447.066.667

(i) Vay ngắn hạn của Tổng công ty phản ánh các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, bằng đồng Việt Nam cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Tổng công ty đã sử dụng các tài sản cố định hữu hình và vô hình để thế chấp cho khoản vay này. Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất trong khoảng từ 5,8%/năm đến 7,8%/năm tùy theo quy định của các ngân hàng thương mại tại nơi hoạt động của Tổng công ty và mỗi công ty con. Các khoản vay này có thời hạn vay từ 03 tháng đến 12 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.24 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/6/2021 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.173.125.091.696	2.173.125.091.696	220.160.851.402	213.331.699.072	2.166.295.939.366	2.166.295.939.366
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.Hồ Chí Minh	710.557.833.235	710.557.833.235	210.546.056.866	32.198.000.000	532.209.776.369	532.209.776.369
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	5.392.000.000	5.392.000.000	1.703.559.429	26.607.165.739	30.295.606.310	30.295.606.310
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Quảng Nam	560.246.251.115	560.246.251.115	-	60.000.000.000	620.246.251.115	620.246.251.115
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đồng Nai	6.815.805.640	6.815.805.640	7.911.235.107	12.560.000.000	11.464.570.533	11.464.570.533
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Đồng Nai	876.363.201.706	876.363.201.706	-	77.368.000.000	953.731.201.706	953.731.201.706
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An	13.750.000.000	13.750.000.000	-	4.375.000.000	18.125.000.000	18.125.000.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	-	223.533.333	223.533.333	223.533.333
Tổng	2.697.924.984.351	2.697.924.984.351	695.869.376.872	752.373.699.175	2.754.429.306.654	2.754.429.306.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.24 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Thời hạn	Kỳ này (VND) Trả nợ gốc	Kỳ trước (VND) Trả nợ gốc
Trong vòng 1 năm	524.799.892.655	588.133.367.288
Trong năm thứ hai	694.505.383.000	694.694.223.466
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.697.924.984.351	1.535.124.030.999

Phân loại các khoản vay dài hạn

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Số dư vay bằng VND	2.377.960.838.551	2.413.701.894.354
Tín chấp	319.964.145.800	340.727.412.300
Bảo đảm bằng tài sản của TCT	-	2.072.974.482.054
Vay theo lãi suất thả nổi	2.377.960.838.551	2.371.183.465.925
Vay theo lãi suất ưu đãi	-	42.518.428.429

Lãi suất vay thả nổi từ 8,5%/năm đến 8,8%/năm.

5.25 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	273.651.653.981	189.701.813.852
Doanh thu nhận trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp:	273.625.763.595	189.701.813.852
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	55.846.796.022	46.729.375.899
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	74.629.426.644	42.394.800.420
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	14.097.063.439	28.193.843.057
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	43.981.709.178	29.029.558.518
- Khu công nghiệp Quế Võ 2	10.933.932.755	-
- Khu Công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	30.834.380.663	10.268.478.864
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	37.922.987.697	8.293.634.142
- Khu công nghiệp Kim Hoa	4.590.487.669	4.041.091.207
- Khu công nghiệp Cầu Nghìn	788.979.528	20.751.031.745
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	25.890.386	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.25 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN (Tiếp theo)

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
b) Dài hạn	6.627.846.746.944	6.112.270.853.099
Doanh thu nhận trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp:	6.627.721.809.250	6.112.143.723.515
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	1.418.512.183.481	1.441.876.871.431
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	1.531.226.418.217	1.416.748.011.384
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	1.068.196.714.163	1.068.196.714.163
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	773.387.219.795	786.987.277.741
- Khu công nghiệp Quê Võ 2	784.889.996.531	671.296.480.405
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	706.715.646.966	375.741.885.830
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	211.542.817.693	215.685.134.794
- Khu công nghiệp Kim Hoa	106.078.644.172	108.099.189.771
- Khu công nghiệp Cầu Nghìn	27.172.168.232	27.512.157.996
Doanh thu nhận trước dài hạn khác	124.937.694	127.129.584
Tổng	6.901.498.400.925	6.301.972.666.951

5.26 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Điều chỉnh dự phòng đầu tư tài chính khi hợp nhất IDICO	72.468.408.448	71.927.647.990
Điều chỉnh dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn và dài hạn khi hợp nhất IDICO	32.692.177.417	32.692.177.417
Tổng	105.160.585.865	104.619.825.407
Thuế suất	20%	20%
Tổng	21.032.117.173	20.923.965.081

5.27 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí sửa chữa vừa và lớn dự án BOT An Suong - An Lac	208.815.370.616	195.815.370.616
Các khoản khác	891.586.915	891.586.915
Tổng	209.706.957.531	196.706.957.531

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.28 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	3.000.000.000.000	41.896.673.847	2.748.559.983	-	(59.296.653.028)	210.707.521.204	254.047.712.249	782.499.101.215	4.232.602.915.470
Tăng trong năm	-	-	15.300.000.000	-	-	-	304.426.070.953	125.227.643.687	444.953.714.640
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	304.426.070.953	125.227.643.687	429.653.714.640
Tăng do tăng vốn điều lệ của IDICO - CONAC	-	-	15.300.000.000	-	-	-	-	-	15.300.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	25.500	-	9.842.846.610	150.687.170.168	127.824.391.347	288.354.433.625
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	90.000.000.000	112.486.083.900	202.486.083.900
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	54.244.416.778	15.338.282.947	69.582.699.725
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	985.600.000	-	-	985.600.000
Do sử dụng để tăng vốn điều lệ IDICO - CONAC	-	-	-	-	-	8.857.246.610	6.442.753.390	-	15.300.000.000
Do IDICO-CONAC mua lại cổ phiếu lẻ làm cổ phiếu quỹ khi tăng vốn	-	-	-	25.500	-	-	-	24.500	50.000
Số dư ngày tại 31/12/2020	3.000.000.000.000	41.896.673.847	18.048.559.983	(25.500)	(59.296.653.028)	200.864.674.594	407.786.613.034	779.902.353.555	4.389.202.196.485

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.28 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	3.000.000.000.000	41.896.673.847	18.048.559.983	(25.500)	(59.296.653.028)	200.864.674.594	407.786.613.034	779.902.353.555	4.389.202.196.485
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	16.936.070.477	8.064.467.299	293.751.275.680	57.581.399.670	376.333.213.126
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	285.159.016.047	57.581.399.670	342.740.415.717
Do thay đổi tỉ lệ sở hữu	-	-	-	-	16.936.070.477	-	-	-	16.936.070.477
Do điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	-	8.064.467.299	8.592.259.633	-	16.656.726.932
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	21.463.625.961	12.742.560.453	36.107.686.104	70.313.872.518
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	-	7.839.997.550	7.839.997.550
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	9.238.980.453	2.992.902.858	12.231.883.311
Trích thưởng Ban điều hành (i)	-	-	-	-	-	-	3.503.580.000	1.204.420.000	4.708.000.000
Điều chỉnh giảm quỹ đầu tư phát triển của IDICO-SHP (ii)	-	-	-	-	-	21.463.625.961	-	20.621.915.139	42.085.541.100
Do điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	3.448.450.557	3.448.450.557
Số dư tại ngày 30/6/2021	3.000.000.000.000	41.896.673.847	18.048.559.983	(25.500)	(42.360.582.551)	187.465.515.932	688.795.328.261	801.376.067.121	4.695.221.537.093

(i) Phân phối lợi nhuận trong kỳ của Tổng công ty và các công ty căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(ii) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/5/2021 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021 của IDICO-SHP đã thống nhất chuyển quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế với số tiền: 42.085.541.100 VND.

(ii) Theo Nghị quyết ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ IDICO từ 3.000.000.000.000 VND lên 4.500.000.000.000 VND, số lượng cổ phần phát hành thêm 150.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần, giá phát hành 15.000 VND/cổ phần. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, IDICO chưa có văn bản nào khác với Nghị quyết ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.28 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 30/6/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO	-	-	-	22,50%	67.500.000	675.000.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	22,50%	67.500.000	675.000.000.000	22,50%	67.500.000	675.000.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	77,50%	232.500.000	2.325.000.000.000	55,00%	165.000.000	1.650.000.000.000
Tổng	100%	300.000.000	3.000.000.000.000	100%	300.000.000	3.000.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
<i>Cổ tức đã tạm ứng và đã chia thuộc LNST năm 2019</i>	-	90.000.000.000
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành thuộc LNST năm 2019 và 2020</i>	12.742.560.453	54.244.416.778

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.29 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vốn điều lệ của các công ty con	1.614.992.000.000	1.614.992.000.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho công ty mẹ	1.108.675.810.000	1.108.675.810.000
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	506.316.190.000	506.316.190.000
Chi tiết như sau:		
Vốn của cổ đông không kiểm soát	492.131.490.000	506.316.190.000
Thặng dư vốn cổ phần	12.421.422.800	12.421.422.800
Vốn khác của chủ sở hữu	2.090.885.410	2.090.885.410
Cổ phiếu quỹ	(24.500)	(24.500)
Lợi nhuận sau thuế lũy kế	146.604.182.924	82.259.386.920
Quỹ đầu tư phát triển	148.128.110.487	176.814.492.925
Tổng	801.376.067.121	779.902.353.555

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.319.087.366.482	2.117.495.752.946
Doanh thu kinh doanh điện (i)	1.411.299.600.632	1.311.568.871.058
Doanh thu hoạt động xây dựng	77.634.108.656	87.264.457.434
Doanh thu thu phí đường bộ	192.780.259.066	178.004.863.632
Doanh thu kinh doanh bất động sản	84.000.867.213	46.049.327.211
Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp	361.286.751.643	295.030.317.841
Doanh thu sản phẩm và dịch vụ khác	192.085.779.272	199.577.915.770
Các khoản giảm trừ doanh thu	9.667.734.445	178.460.000
Giảm giá hàng bán	198.736.445	178.460.000
Hàng bán bị trả lại	9.468.998.000	-
Doanh thu thuần	2.309.419.632.037	2.117.317.292.946

Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan
(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)

6.370.383.694 **16.899.843.506**

(i) Doanh thu kinh doanh điện của Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3 tạm ngừng vận hành từ ngày 28/10/2020 để sửa chữa, khắc phục sự cố do bị ảnh hưởng của cơn bão số 9 theo Thông báo số 684/TCT-TCKT ngày 29/10/2020 của Tổng công ty IDICO nên chưa có doanh thu.

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn kinh doanh điện	1.372.923.289.246	1.243.943.572.745
Giá vốn hoạt động xây dựng	71.150.716.124	81.443.725.350
Giá vốn thu phí đường bộ	88.296.043.654	61.377.883.551
Giá vốn kinh doanh bất động sản	54.609.360.823	24.959.396.947
Giá vốn hạ tầng Khu công nghiệp	206.203.630.643	187.951.031.839
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	159.415.808.168	153.560.935.483
Giá vốn hàng bán trả lại	(9.468.998.000)	-
Tổng	1.943.129.850.658	1.753.236.545.915

6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.816.602.743	68.646.681.302
Lãi bán các khoản đầu tư	260.000.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.670.000.000	4.756.520.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	169.018.987
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	5.857.500.000
Tổng	297.486.602.743	79.429.720.289

6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay	87.756.037.305	125.472.136.796
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.545.903	-
Chi phí tài chính khác	14.790.001	100.000.000
Tổng	87.783.373.209	125.572.136.796

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.5 PHÂN LÃI TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
BVEC	(3.538.189.362)	16.702.381.504
LAMA IDICO	(2.431.488.744)	761.968.287
DAK MI JSC	-	(34.790.874.895)
PFG	8.969.066.066	-
Tổng	2.999.387.960	(17.326.525.104)

6.6 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	16.803.702.829	20.312.729.282
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	6.579.322.801	4.386.474.072
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.794.100.049	1.630.680.357
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.675.108.390	2.331.822.688
Thuế phí và lệ phí	-	3.133.416.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.937.960.329	3.998.257.365
Chi phí bằng tiền khác	1.870.993.988	673.802.487
Chi phí chiết khấu, hoa hồng, môi giới, khuyến mãi	4.829.793.189	842.341.050
Tổng	39.490.981.575	37.309.523.322

6.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	48.963.008.119	44.962.132.762
Chi phí vật liệu quản lý	1.643.447.214	1.402.557.175
Chi phí đồ dùng văn phòng	967.278.924	884.596.615
Chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí phân bổ	6.704.542.290	6.812.939.065
Thuế phí và lệ phí	1.806.816.924	862.018.493
Chi phí dự phòng	237.610.340	(348.151.458)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.091.664.637	3.685.308.205
Chi phí bằng tiền khác	22.527.016.271	23.194.370.632
Phân bổ lợi thế thương mại	3.091.225.451	3.091.225.451
Tổng	92.032.610.170	84.546.996.940

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.8 LỢI NHUẬN KHÁC

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	54.545.455	-
Lãi phạt chậm thanh toán	722.980.380	2.286.160.556
Các khoản khác	1.683.976.475	1.908.211.283
Tổng	2.461.502.310	4.194.371.839
<i>Chi phí khác</i>		
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	13.422.581	-
Lãi chậm nộp	171.633.514	-
Các khoản khác	5.913.978.426	7.024.068.346
Tổng	6.099.034.521	7.024.068.346
Lợi nhuận khác	(3.637.532.211)	(2.829.696.507)

6.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
IDICO - SHP	5.123.789.138	4.101.919.970
IDICO - UDICO	9.751.400.388	6.527.577.384
IDICO - URBIZ	8.784.088.434	6.180.692.438
IDICO - CONAC	4.943.523.161	6.757.268.561
IDICO - IDI	7.246.723.134	7.434.689.070
IDICO - INCON	329.766.094	321.922.430
IDICO - ICC	684.551.874	718.298.606
IDICO - LINCO	2.459.861.601	2.456.077.843
IDICO	61.659.003.284	4.015.981.245
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.982.707.108	38.514.427.547

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.10 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông công ty mẹ	285.159.016.047	81.565.467.264
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(6.371.280.227)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	285.159.016.047	75.194.187.038
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	951	251

(i) Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Tổng công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Trình bày lại Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020:

Theo Nghị quyết ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Tổng công ty xác định số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 với số tiền 9.238.980.453 VND và quỹ thưởng Ban điều hành với số tiền là 3.503.580.000 VND. Tổng công ty đã xác định giá trị sẽ được giảm trừ vào lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2020 là 6.371.280.227 VND (12.742.560.453 VND/2). Việc xác định nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2020 giảm từ 271 VND xuống 251 VND và được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông công ty mẹ	81.565.467.264	81.565.467.264	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(6.371.280.227)	(6.371.280.227)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	81.565.467.264	75.194.187.038	(6.371.280.227)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	272	251	(21)

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.11 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông công ty mẹ	285.159.016.047	81.565.467.264
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(6.371.280.227)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	285.159.016.047	75.194.187.038
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (i)	150.000.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	634	251

(i) Nghị quyết ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ IDICO từ 3.000.000.000.000 VND lên 4.500.000.000.000 VND. Số cổ phiếu dự kiến phát hành trong năm 2021 là 150.000.000 cổ phiếu.

6.12 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	283.380.190.977	449.010.797.393
Chi phí nhân công	132.877.143.631	151.897.117.435
Chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí phân bổ	207.603.176.920	201.465.120.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.454.514.464.483	1.331.327.426.848
Chi phí khác bằng tiền	85.563.921.155	69.198.383.448
Tổng	2.163.938.897.166	2.202.898.845.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Nghị quyết số 27/NQ-TCT ngày 06/8/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty IDICO-CTCP (IDICO) về việc thông qua nội dung giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp của IDICO tại Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ (PFG). Theo đó, IDICO đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp (trương ứng 30% vốn điều lệ của PFG) cho 02 nhà đầu tư dự kiến là Tổng công ty Viglacera và Công ty TNHH Tập đoàn Khoa Học công nghệ Khải Thịnh với tổng giá trị chuyển nhượng là 350.000.000.000 VND.

Từ ngày 09/7/2021 đến thời điểm hiện nay, đại dịch COVID-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Tổng công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Tổng công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2021.

7.2 Thông tin các bên liên quan**1) Danh sách các bên liên quan:**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Công ty liên kết	BVEC
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Công ty liên kết	LAMA IDICO
3	Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mí	Công ty liên kết	ĐAK MI JSC
4	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	Công ty liên kết	PFG

2) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác**a. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Ông Ninh Mạnh Hồng	Nguyên Chủ tịch HĐQT	294.000.000	680.464.000
Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch HĐQT	316.000.000	-
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên HĐQT	60.000.000	161.200.000
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Thành viên HĐQT	215.000.000	-
Ông Vũ Quang Bảo	Nguyên thành viên HĐQT	165.556.000	139.200.000
Ông Trịnh Hùng Lâm	Nguyên thành viên HĐQT	216.000.000	498.045.000
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
Tổng		1.306.556.000	1.478.909.000

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>
		<u>6 tháng kết thúc</u>	<u>6 tháng kết thúc</u>
		<u>ngày 30/6/2021</u>	<u>ngày 30/6/2020</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Nguyên trưởng BKS	168.000.000	388.836.000
Ông Hoàng Văn Hiến	Trưởng BKS	390.000.000	379.232.000
Bà Lê Ánh Thu	Nguyên thành viên BKS	29.400.000	67.410.000
Ông Đào Hữu Thắng	Thành viên BKS	28.000.000	-
Bà Trần Thanh Linh	Thành viên BKS	28.000.000	-
Tổng		643.400.000	835.478.000

c. Lương và các lợi ích khác của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>
		<u>6 tháng kết thúc</u>	<u>6 tháng kết thúc</u>
		<u>ngày 30/6/2021</u>	<u>ngày 30/6/2020</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Nguyễn Văn Đạt	Nguyên Tổng giám đốc	165.184.783	728.464.000
Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc	686.000.000	-
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc	614.000.000	630.045.000
Ông Phan Văn Chung	Phó Tổng giám đốc	547.000.000	576.045.000
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc	528.000.000	570.045.000
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc	50.000.000	-
Ông Phạm Minh Hiệp	Nguyên Phó Tổng giám đốc	-	221.000.000
Bà Trần Thị Ngọc	Kế toán trưởng	360.000.000	412.836.000
Tổng		2.950.184.783	3.138.435.000

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)**3) Trong kỳ, Tổng công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Bán hàng		6.370.383.694	16.899.843.506
PFG	Xây lắp	4.030.240.309	12.869.901.615
	Dịch vụ	1.234.052.333	2.574.748.518
LAMA IDICO	Cung cấp nước	595.653.883	603.757.533
	Cung cấp điện	510.437.169	851.435.840
Mua hàng		4.672.524.500	-
LAMA IDICO	Mua vật tư	4.672.524.500	-
Lãi cho vay		-	15.290.542.111
DAK MI JSC	Lãi cho vay	-	15.290.542.111
Cho vay		-	5.785.561.506
DAK MI JSC		-	5.785.561.506
Cổ tức được chia		-	30.785.512.800
DAK MI JSC	Cổ tức	-	29.900.000.000
LAMA IDICO	Cổ tức	-	885.512.800

4) Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Bên liên quan	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng	1.370.568.397	4.505.399.234
PFG	1.119.782.566	4.427.977.304
LAMA IDICO	250.785.831	77.421.930
Phải thu cho vay ngắn hạn	-	71.957.057.386
DAK MI JSC	-	71.957.057.386
Phải thu khác ngắn hạn	1.463.684.880	154.062.606.848
DAK MI JSC	-	152.598.921.968
SONG HONG 1, JSC	1.463.684.880	1.463.684.880
Phải trả người bán ngắn hạn	145.740.836	145.740.836
LAMA IDICO	145.740.836	145.740.836
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	145.740.836
PFG	-	145.740.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.24, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	537.585.765.720	726.542.767.957
Phải thu khách hàng và phải thu khác	724.598.918.222	807.985.435.043
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.889.913.520.286	1.014.340.743.187
Đầu tư tài chính dài hạn khác	246.155.633.047	146.155.633.047
Tổng	3.398.253.837.275	2.695.024.579.234
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.697.924.984.351	2.754.429.306.654
Phải trả người bán và phải trả khác	489.182.777.136	569.026.784.220
Chi phí phải trả	23.583.558.920	31.463.508.230
Tổng	3.210.691.320.407	3.354.919.599.104

Các loại công cụ tài chính

Tổng công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Tổng công ty chịu rủi ro về giá từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Tại ngày 30/6/2021, IUV với giá trị 10.217.858.042 VND (tương ứng 1.000.000 cổ phiếu). Tại thời điểm ngày 30/6/2021, số dư IDICO đã trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính này theo Chế độ kế toán hiện hành với số tiền là 2.440.026.737 VND.

Các khoản đầu tư khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 30/6/2021, IDICO đã tiến hành rà soát tình trạng công nợ phải thu khách hàng, kết hợp đồng thời với thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, IDICO đã phân loại và đánh giá khả năng thu hồi công nợ theo từng khách hàng. Số dư IDICO đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị là 20.631.717.621 VND (tại ngày 31/12/2020 là 20.394.107.281 VND).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả.

Tại ngày 30/6/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 15 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	480.311.051.286	8.871.725.850	489.182.777.136
Chi phí phải trả	22.437.045.336	1.146.513.584	23.583.558.920
Các khoản vay	524.799.892.655	2.173.125.091.696	2.697.924.984.351
Tổng	1.027.547.989.277	2.183.143.331.130	3.210.691.320.407
Tại ngày 01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 15 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	560.841.677.318	8.185.106.902	569.026.784.220
Chi phí phải trả	30.316.994.646	1.146.513.584	31.463.508.230
Các khoản vay	588.133.367.288	2.166.295.939.366	2.754.429.306.654
Tổng	1.179.292.039.252	2.175.627.559.852	3.354.919.599.104

Ban Tổng giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 30/6/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 15 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	537.585.765.720	-	537.585.765.720
Phải thu khách hàng và phải thu khác	566.034.002.117	158.564.916.105	724.598.918.222
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.889.913.520.286	-	1.889.913.520.286
Tài sản thuê tài chính	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	246.155.633.047	246.155.633.047
Tổng	2.993.533.288.123	404.720.549.152	3.398.253.837.275
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 15 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	726.542.767.957	-	726.542.767.957
Phải thu khách hàng và phải thu khác	751.140.340.288	56.845.094.755	807.985.435.043
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.014.340.743.187	-	1.014.340.743.187
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	146.155.633.047	146.155.633.047
Tổng	2.492.023.851.432	203.000.727.802	2.695.024.579.234

1197
TY
H
IÁN
NAM
31-V

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.4 Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tổng công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, kinh doanh điện năng, thu phí đường bộ, xây lắp, bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Tổng công ty. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Tổng công ty không theo dõi hợp nhất tài sản, nợ phải trả bộ phận. Tổng công ty theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả của từng bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 như sau:

a) Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh KCN	Hoạt động thu phí đường bộ	Các hoạt động còn lại	Tổng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.411.299.600.632	77.634.108.656	361.286.751.643	192.780.259.066	266.418.912.040	2.309.419.632.037
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.372.923.289.246	71.150.716.124	206.203.630.643	88.296.043.654	204.556.170.991	1.943.129.850.658
Doanh thu hoạt động tài chính						297.486.602.743
Chi phí tài chính						87.783.373.209
Phần lãi trong liên doanh, liên kết						2.999.387.960
Chi phí bán hàng						39.490.981.575
Chi phí quản lý doanh nghiệp						92.032.610.170
Thu nhập khác						2.461.502.310
Chi phí khác						6.099.034.521
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế						443.831.274.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp						100.982.707.108
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						108.152.092
Lợi nhuận trong kỳ						342.740.415.717

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**b) Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020**

	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh KCN	Hoạt động thu phí đường bộ	Các hoạt động còn lại	Tổng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.311.568.871.058	87.264.457.434	295.030.317.841	178.004.863.632	245.448.782.981	2.117.317.292.946
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.243.943.572.745	81.443.725.350	187.951.031.839	61.377.883.551	178.520.332.430	1.753.236.545.915
Doanh thu hoạt động tài chính						79.429.720.289
Chi phí tài chính						125.572.136.796
Phần lãi trong liên doanh, liên kết						(17.326.525.104)
Chi phí bán hàng						37.309.523.322
Chi phí quản lý doanh nghiệp						84.546.996.940
Thu nhập khác						4.194.371.839
Chi phí khác						7.024.068.346
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế						175.925.588.651
Thuế thu nhập doanh nghiệp						38.514.427.547
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(143.254.249)
Lợi nhuận trong kỳ						137.554.415.353



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.5 THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu

Bùi Tiến Dũng

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc

Tổng giám đốc



Đặng Chính Trung

